

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018
và kết thúc vào ngày 30/06/2018

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 41
- Phụ lục 01	42 - 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23/04/2010, đăng ký thay đổi lần 16 (lần gần nhất) ngày 05/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 đồng.

Mã số thuế : 0104606490

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ thiết bị gia dụng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: dịch vụ trang trí nội thất công trình xây dựng;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động của các khu giải trí, bãi biển bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch
- Ông Lê Văn Cường	Ủy viên
- Ông Đỗ Huy Cường	Ủy viên
- Ông Trần Văn Duy	Ủy viên
- Ông Vũ Thành Toàn	Ủy viên
- Bà Vũ Thị Ngà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Đào Thị Dung	Trưởng ban
- Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên
- Ông Vũ Danh Lam	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Hữu Đông	Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật
- Ông Đỗ Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trương Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Vũ Thị Ngà	Kế toán trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30/06/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30/06/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2018

Đại diện Ban Tổng Giám đốc 



Trần Hữu Đông
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC và được lập ngày 03/08/2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 được trình bày từ trang 08 đến trang 50 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC tại ngày 30/06/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Công việc kiểm toán của chúng tôi được thực hiện với mục đích đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 từ trang 08 đến trang 41. Các thông tin bổ sung của phần phụ lục đính kèm từ trang 42 đến trang 50 là báo cáo tình hình góp vốn của chủ sở hữu đến ngày 30/06/2018 và được xem như là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty. Tuy nhiên, những thông tin này chỉ nhằm phục vụ cho mục đích báo cáo lên các Cơ quan Nhà nước, các Cổ đông và không thể sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty chưa được kiểm toán.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1



Nguyễn Thị Hoàng Vân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1561-2017-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		266.755.363.173	219.031.393.574
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	41.116.070.942	25.519.623.995
Tiền	111		12.586.070.942	6.489.623.995
Các khoản tương đương tiền	112		28.530.000.000	19.030.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		19.200.000.000	59.200.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2a	19.200.000.000	19.200.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2b	-	40.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		141.621.610.209	82.485.813.902
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	99.677.914.587	33.629.941.012
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	5.735.006.412	13.850.742.153
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	36.724.958.084	35.521.399.611
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(516.268.874)	(516.268.874)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	61.778.450.495	50.230.272.606
Hàng tồn kho	141		61.778.450.495	50.230.272.606
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.039.231.526	1.595.683.071
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	35.822.268	33.176.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.003.409.258	1.562.507.071
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.641.222.346	40.733.674.162
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		48.701.816.783	20.944.484.942
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	48.701.816.783	20.944.484.942
- Nguyên giá	222		51.420.364.440	22.788.971.714
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.718.547.657)	(1.844.486.772)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.171.600.120	18.223.458.170
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XD/CB dở dang	242	5.10	3.171.600.120	18.223.458.170
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.767.805.443	1.565.731.050
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	1.767.805.443	1.565.731.050
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
CỘNG TÀI SẢN	270		320.396.585.519	259.765.067.736

Báo cáo tài chính hợp nhất này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		86.954.222.435	43.374.123.608
Nợ ngắn hạn	310		86.954.222.435	43.374.123.608
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	65.745.158.231	20.868.632.234
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	8.254.502.276	14.610.682.144
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	7.018.011.653	3.667.585.274
Phải trả người lao động	314		2.927.451.623	1.709.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	196.225.971	180.000.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	1.449.812.814	834.464.520
Phải trả ngắn hạn khác	319		210.489.315	302.198.470
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.16	1.152.570.552	1.201.560.966
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		233.442.363.084	216.390.944.129
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	233.442.363.084	216.390.944.129
Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.832.990.947	15.790.589.410
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.590.589.164	244.843.117
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.242.401.783	15.545.746.293
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		609.372.137	600.354.719
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
CỘNG NGUỒN VỐN	440		320.396.585.519	259.765.067.736

Ngày 03 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Ngân

Vũ Thị Nga

Trần Hữu Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	190.883.396.686	83.973.925.255
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	190.883.396.686	83.973.925.255
Giá vốn hàng bán	11	6.2	155.593.784.188	63.176.530.614
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.289.612.498	20.797.394.641
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.182.446.609	47.217.181
Chi phí tài chính	22		-	425.425.466
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	415.914.000
Chi phí bán hàng	25	6.4	3.483.877.019	3.668.201.015
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	11.057.724.062	9.285.854.246
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.930.458.027	7.465.131.095
Thu nhập khác	31	6.6	4.179.207	73.964.661
Chi phí khác	32	6.7	333.015.632	317.572.106
Lợi nhuận khác	40		(328.836.425)	(243.607.445)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.601.621.602	7.221.523.650
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	4.350.202.647	1.338.091.475
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.251.418.955	5.883.432.174
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		17.242.401.783	5.883.537.833
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9.017.172	(105.658)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	862	604
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	862	604

Ngày 03 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Ngân

Vũ Thị Ngà

Trần Hữu Đông

Báo cáo tài chính hợp nhất này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

12

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	21.601.621.603	7.221.523.650
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	874.060.885	838.642.499
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.182.431.431)	58.130.462
- Chi phí lãi vay	06	-	415.914.000
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.293.251.056	8.534.210.611
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(61.979.863.793)	(11.848.223.916)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.548.177.889)	(5.609.909.021)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	39.982.237.309	(6.815.968.453)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(204.720.661)	(518.531.573)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(730.426.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.482.095.524)	(1.949.304.595)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.258.892.155	9.118.713.806
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(606.932.411)	(10.324.122.710)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.287.409.759)	(20.143.561.851)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(13.367.780.280)	(11.666.024.283)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	1.518.000.000	680.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	40.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.733.636.986	31.043.372
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	29.883.856.706	(10.954.980.911)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp) (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	45.643.559.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	400.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(20.098.000.000)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	25.945.559.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50	15.596.446.947	(5.152.983.762)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25.519.623.995	51.722.300.520
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	41.116.070.942	46.569.316.758

Ngày 03 tháng 08 năm 2018

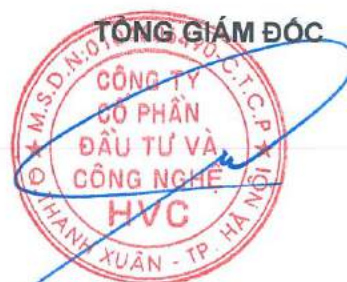
NGƯỜI LẬP BIỂU

Hồ Thanh Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hữu Đông

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23/04/2010, đăng ký thay đổi lần 16 (lần gần nhất) ngày 05/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ thiết bị gia dụng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: dịch vụ trang trí nội thất công trình xây dựng;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động của các khu giải trí, bãi biển bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản).

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 hoạt động cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E có ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC

- Trụ sở chính: số 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC: tầng 8, tháp C Hồ Gươm Plaza, số 102 Trần Phú, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Kho hàng - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC: tầng 1, TTTM Forprodex Cầu Tiên, số 1111 đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng

- Địa chỉ: Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Số 39 đường 19, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 1 (một) công ty

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1 (một) công ty.
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không) công ty.

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	99,00%	99,00%

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty Mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC, thông tư số 202/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (Công ty) và Công ty TNHH HVC Hưng Yên (Công ty con) (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty"). Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|--------------------|---|
| - Sản phẩm dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo từng công trình |
| - Nguyên vật liệu | Bình quân gia quyền |
| - Hàng hóa | Bình quân gia quyền |

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 – 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 – 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 08 năm |
| - Tài sản cố định khác | 04 – 06 năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý | 08 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Nhóm Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Nhóm Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Nhóm Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

4.12. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong kỳ tài chính được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm dưới 80%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 20% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

4.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

4.16. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

4.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền**

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tiền mặt	6.774.836.579	1.464.337.768
Tiền gửi ngân hàng	5.811.234.363	5.025.286.227
Các khoản tương đương tiền (i)	28.530.000.000	19.030.000.000
Cộng	41.116.070.942	25.519.623.995

(i) Chi tiết như sau:

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất từ 4,9% đến 5%/năm

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở	28.500.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long	30.000.000	13.030.000.000
Cộng	28.530.000.000	19.030.000.000

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

Là khoản đầu tư mua cổ phiếu ngắn hạn chưa niêm yết của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An.

	30/06/2018 (VND)			01/01/2018 (VND)		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết	19.200.000.000	-	-	19.200.000.000	-	-
Tổng giá trị cổ phiếu (i)	19.200.000.000	-	(*)	19.200.000.000	-	(*)
Cộng	19.200.000.000	-	(*)	19.200.000.000	-	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Phải thu khách hàng bên liên quan	-	1.518.000.000
- Ông Lê Văn Cường	-	1.518.000.000
Phải thu khách hàng bên thứ ba	99.677.914.587	32.111.941.012
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Thương mại Song Phúc	51.963.509.679	-
- Tập đoàn VINGROUP - Công ty Cổ phần	19.328.421.222	-
- Chi nhánh Quảng Nam - Công ty Cổ phần Vinpearl (Gồm Vinpearl Hội An)	5.584.995.252	-
- Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Phát triển Thiên Niên Kỹ	4.838.528.682	-
- KST Mường Thanh- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mường Thanh	2.269.968.067	2.269.968.067
- Các đối tượng khác	15.692.491.685	29.841.972.945
Cộng	99.677.914.587	33.629.941.012

5.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Long Biên	2.086.387.411	6.980.148.011
- Công ty TNHH Xây Dựng VN Nhật Minh	1.129.818.600	1.648.539.000
- Công ty Cổ phần Bể bơi thông minh Spool	538.674.169	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đông Kha	341.824.739	338.507.337
- Công ty TNHH MTV Nhất Trung Việt	239.273.581	130.149.448
- Công ty TNHH Quốc tế MICA	200.000.000	200.000.000
- Các nhà cung cấp khác	1.199.027.912	4.553.398.357
Cộng	5.735.006.412	13.850.742.153

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	6.471.150.179	-	3.725.123.515	-
<i>Tạm ứng là bên liên quan</i>	<i>875.574.194</i>	-	<i>684.532.838</i>	-
- Trần Tuấn Anh	541.831.641	-	272.985.245	-
- Trương Thanh Tùng	333.742.553	-	411.547.593	-
<i>Tạm ứng là bên thứ ba</i>	<i>5.595.575.985</i>	-	<i>3.040.590.677</i>	-
- Nguyễn Ngọc Hà	728.719.874	-	686.167.900	-
- Lại Thế Cường	734.793.600	-	56.919.786	-
- Các nhân viên khác	4.132.062.511	-	2.297.502.991	-
Ký cược, ký quỹ	246.450.843	-	1.098.410.586	-
- Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.378.857	-	3.378.857	-
- Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam	-	-	4.723.955	-
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	243.071.986	-	1.090.307.774	-
Phải thu khác	30.007.357.062	-	30.697.865.510	-
- Công ty Cổ phần Bể Bơi Thông Minh Spool (i)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
- Trích trước lãi tiền gửi	-	-	551.205.555	-
- Thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ	-	-	123.649.900	-
- Phải thu khác	7.357.062	-	23.010.055	-
Cộng	36.724.958.084	-	35.521.399.611	-

(i) Công ty góp vốn vào Công ty CP Bể Bơi Thông Minh Spool theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/2017/HVC-SPOOL ngày 23/09/2017 để cùng thực hiện hợp đồng số 09/2017/HĐKT/SƠN LONG - SPOOL ngày 21/09/2017 về cung cấp, lắp đặt hệ thống M&E, bể bơi cho dự án Khu khách sạn dịch vụ du lịch của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sơn Long.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.6 Nợ xấu

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	601.425.701	85.156.827	601.425.701	85.156.827
Từ 03 năm trở lên	437.053.091	-	437.053.091	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	154.253.091	-	154.253.091	-
- Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	282.800.000	-	282.800.000	-
Từ 02 đến dưới 03 năm	74.760.000	22.428.000	74.760.000	22.428.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO	74.760.000	22.428.000	74.760.000	22.428.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	-	-	-	-
Từ 01 đến dưới 02 năm	89.612.610	62.728.827	89.612.610	62.728.827
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh	75.637.210	52.946.047	75.637.210	52.946.047
- Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương	13.975.400	9.782.780	13.975.400	9.782.780

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Số đầu kỳ	516.268.874	443.109.164
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	73.159.710
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	516.268.874	516.268.874

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên vật liệu	590.322.826	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	45.864.687.591	-	46.790.252.409	-
+ Thi công hệ thống cơ điện hạ tầng, cảnh quan sân vườn GD2 - Vinhomes Imperial Hải Phòng - Hợp đồng 37/2017	14.609.228.116	-	7.113.211.804	-
+ Cung cấp vật tư, lắp đặt hệ thống công nghệ và tư vấn thiết kế bể bơi ngoài nhà D170 và D175 thuộc hạng mục Water Park- dự án Công viên đại dương Hạ Long - Hợp đồng 40	3.310.351.347	-	3.303.309.518	-
+ Thiết kế, CC và lắp đặt hoàn chỉnh thiết bị vòng quay mắt trời & Thiết bị bể tạo sóng Phú Cường - Hợp đồng 01/2017	950.227.578	-	2.210.267.889	-
+ Các công trình khác	26.994.880.550	-	34.163.463.199	-
- Hàng hóa	15.323.440.078	-	3.440.020.197	-
Cộng	61.778.450.495	-	50.230.272.606	-

5.8 Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2018 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Phân bổ chi phí trong kỳ (VND)	30/06/2018 (VND)
- Công cụ, dụng cụ	33.176.000	24.352.800	(37.008.326)	20.520.474
- Dịch vụ mua ngoài	-	18.190.000	(2.888.206)	15.301.794
Cộng	33.176.000	42.542.800	(39.896.532)	35.822.268

b. Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2018 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Phân bổ chi phí trong kỳ (VND)	30/06/2018 (VND)
- Công cụ, dụng cụ	1.565.731.050	754.091.743	(552.017.350)	1.767.805.443
Cộng	1.565.731.050	754.091.743	(552.017.350)	1.767.805.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá					
01/01/2018	19.204.345.605	312.675.200	3.271.950.909	-	22.788.971.714
Mua trong kỳ	-	5.094.249.846	-	-	5.094.249.846
Đầu tư XDCB hoàn thành	22.357.049.969	584.000.000	-	596.092.911	23.537.142.880
30/06/2018	41.561.395.574	5.990.925.046	3.271.950.909	596.092.911	51.420.364.440
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
01/01/2018	760.526.879	183.966.200	899.993.693	-	1.844.486.772
Khấu hao trong kỳ	526.076.024	89.583.804	248.466.176	9.934.881	874.060.885
30/06/2018	1.286.602.903	273.550.004	1.148.459.869	9.934.881	2.718.547.657
Giá trị còn lại					
01/01/2018	18.443.818.726	128.709.000	2.371.957.216	-	20.944.484.942
30/06/2018	40.274.792.671	5.717.375.042	2.123.491.040	586.158.030	48.701.816.783

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất HVC - Giai đoạn 1	-	18.223.458.170
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	2.700.036.120	-
- Nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất HVC - Giai đoạn 2	471.564.000	-
Cộng	3.171.600.120	18.223.458.170

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Sao Hoàng Gia	50.450.699.571	50.450.699.571	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng & Phát triển Thương mại Long Nguyễn	2.314.026.341	2.314.026.341	1.351.072.197	1.351.072.197
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Tân Phát	1.942.439.125	1.942.439.125	1.545.377.350	1.545.377.350
- Công ty Cổ phần Cấp điện và Hệ thống LS - VINA	1.782.638.160	1.782.638.160	-	-
- Công Ty TNHH Thương mại Dịch vụ Và Phát Triển Tiến Đạt	868.350.000	868.350.000	-	-
- Công ty Cổ phần Bể bơi thông minh SPOOL	810.801.582	810.801.582	8.045.172.610	8.045.172.610
- Các nhà cung cấp khác	7.576.203.452	7.576.203.452	9.927.010.077	9.927.010.077
Cộng	65.745.158.231	65.745.158.231	20.868.632.234	20.868.632.234

5.12 Người mua trả tiền trước

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Vincom	2.737.573.242	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Bất động sản Việt Minh Hoàng	1.449.715.300	500.000.000
- Công ty Cổ phần Milton	918.802.156	918.802.156
- Công ty Cổ phần Đầu tư DHC	805.088.127	805.088.127
- Công ty TNHH Thiết kế Đầu tư Xây dựng Phú Gia	425.234.640	425.234.640
- Các khách hàng khác	1.918.088.811	11.961.557.221
Cộng	8.254.502.276	14.610.682.144

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	2.372.424.250	2.372.424.250	1.147.607.003	1.147.607.003
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.350.202.647	4.350.202.647	2.485.971.261	2.485.971.261
- Thuế thu nhập cá nhân	295.384.756	295.384.756	34.007.010	34.007.010
Cộng	7.018.011.653	7.018.011.653	3.667.585.274	3.667.585.274

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Chi phí công trình	34.135.062	-
- Chi phí tư vấn thiết kế xây dựng công trình nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất	62.090.909	-
- Chi phí khác	100.000.000	180.000.000
Cộng	196.225.971	180.000.000

5.15 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Doanh thu cung cấp, lắp đặt thiết bị	1.404.812.814	709.464.520
- Doanh thu cho thuê văn phòng	45.000.000	125.000.000
Cộng	1.449.812.814	834.464.520

5.16 Dự phòng phải trả

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.152.570.552	1.201.560.966
Cộng	1.152.570.552	1.201.560.966

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.17 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Cộng (VND)
01/01/2017	87.685.200.000	10.956.792.871	299.975.654	98.941.968.525
Lợi nhuận trong năm trước	-	15.545.746.293	379.311	15.546.125.604
Tăng vốn trong năm trước	101.602.850.000	-	300.000.000	101.902.850.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.711.950.000	(10.711.950.000)	-	-
31/12/2017	200.000.000.000	15.790.589.164	600.354.965	216.390.944.129
01/01/2018	200.000.000.000	15.790.589.164	600.354.965	216.390.944.129
Lợi nhuận trong kỳ này	-	17.242.401.783	9.017.172	17.251.418.955
Chi trả thù lao cho HĐQT và Ban KS theo BB hợp ĐH Cổ đông thường niên số 01/2018 ngày 17/3/2018	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
30/06/2018	200.000.000.000	32.832.990.947	609.372.137	233.442.363.084

Cổ phiếu

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (i)		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	87.685.200.000
Vốn góp tăng trong năm	-	112.314.800.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	200.000.000	10.711.950.000

(i) Tình hình góp vốn chủ sở hữu đến ngày 30/06/2018 xem chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
- Doanh thu bán hàng hóa	55.728.489.913	2.059.424.386
- Doanh thu bán thành phẩm	126.849.728	-
- Doanh thu thi công lắp đặt công trình	133.970.078.771	81.914.500.869
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.057.978.274	-
Tổng doanh thu thuần	190.883.396.686	83.973.925.255

6.2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
- Giá vốn hàng hóa	53.563.066.937	1.642.945.875
- Giá vốn thành phẩm	341.674.508	-
- Giá vốn thi công lắp đặt công trình	101.689.042.743	61.533.584.739
Cộng	155.593.784.188	63.176.530.614

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.182.446.609	31.043.372
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	16.173.809
Cộng	1.182.446.609	47.217.181

6.4. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
- Chi phí nhân viên	-	100.977.600
- Chi phí vật liệu, bao bì	12.663.200	-
- Chi phí bảo hành	281.588.520	400.468.500
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	673.375.299	567.546.732
- Chi phí bằng tiền khác	2.516.250.000	2.599.208.183
Cộng	3.483.877.019	3.668.201.015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	6.898.044.334	4.839.970.716
- Chi phí vật liệu quản lý	30.557	56.825.336
- Chi phí đồ dùng văn phòng	539.680.307	202.022.480
- Chi phí khấu hao TSCĐ	755.074.891	1.301.544.428
- Thuế, phí và lệ phí	111.293.667	154.058.305
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.376.839.587	2.351.599.854
- Chi phí bằng tiền khác	376.760.719	379.833.127
Cộng	11.057.724.062	9.285.854.246

6.6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
- Thu nhập khác	4.179.207	73.964.661
Cộng	4.179.207	73.964.661

6.7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
- Lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	89.173.834
- Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	18.113.363	226.659.264
- Phạt chậm nộp bảo hiểm	551.213	1.399.008
- Chi phí khác	314.351.056	340.000
Cộng	333.015.632	317.572.106

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.172.648.239	50.405.935.217
Chi phí nhân công	21.907.644.915	14.805.795.499
Chi phí đồ dùng văn phòng	539.680.307	202.022.480
Chi phí khấu hao TSCĐ	874.060.885	1.301.544.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.321.995.999	8.303.361.026
Chi phí bằng tiền khác	3.004.304.386	3.133.099.615
Cộng	115.820.334.731	78.151.758.265

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	4.350.202.647	1.338.091.475
Cộng	4.350.202.647	1.338.091.475

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC)	4.124.642.942	1.338.091.475
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH HVC Hưng Yên)	225.559.705	-
Cộng	4.350.202.647	1.338.091.475

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.242.401.783	5.883.537.833
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.242.401.783	5.883.537.833
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	9.737.545
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	862	604

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (Số cổ phiếu)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (Số cổ phiếu)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	20.000.000	8.768.520
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	969.025
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	9.737.545

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn năm trước đã thu được bằng tiền trong kỳ này	551.205.555	-
Thanh lý tài sản cố định chưa thu được tiền năm trước và đã thu được bằng tiền trong kỳ này	1.518.000.000	-
Tiền mua tài sản năm trước chưa thanh toán và đã thanh toán trong kỳ này	639.745.604	-
Tiền mua tài sản kỳ nay chưa thanh toán	851.500.000	2.399.714.000
Lãi vay năm trước chưa thanh toán và đã thanh toán bằng tiền trong kỳ này	-	314.512.000

8 THÔNG TIN KHÁC**8.1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất (ngày 30/06/2018) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8.2. Thông tin về các bên có liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt	882.642.857	892.228.409
Cộng	882.642.857	892.228.409

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Giao dịch của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan trong kỳ tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu tiền bán tài sản	1.518.000.000	-
Trả tiền mượn trong kỳ	(300.000.000)	(10.000.000)
Vay trong kỳ	-	400.000.000
Trả tiền vay trong kỳ	-	(20.088.000.000)
Lãi tiền vay phải trả trong kỳ	-	415.914.000
Tiền lãi vay đã trả trong kỳ	-	(730.426.000)
Nhận góp vốn trong kỳ	-	42.023.431.000

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản phải thu, phải trả của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan được thể hiện như sau:

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Phải thu tiền bán thanh lý tài sản cố định	-	1.518.000.000
- Tạm ứng	875.574.194	684.532.838
Cộng nợ phải thu	875.574.194	2.202.532.838
	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
- Phải trả tiền mượn	-	300.000.000
Cộng nợ phải trả	-	300.000.000

8.3. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
30/06/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.116.070.942	-	41.116.070.942
Chứng khoán kinh doanh	19.200.000.000	-	19.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng	99.677.914.587	-	99.677.914.587
Các khoản phải thu khác	36.724.958.084	-	36.724.958.084
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(516.268.874)	-	(516.268.874)
Tổng cộng	196.202.674.739	-	196.202.674.739
30/06/2018			
Phải trả cho người bán	(65.745.158.231)	-	(65.745.158.231)
Chi phí phải trả	(196.225.971)	-	(196.225.971)
Phải trả khác	(210.489.315)	-	(210.489.315)
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(1.152.570.552)	-	(1.152.570.552)
Tổng cộng	(67.304.444.069)	-	(67.304.444.069)
Chênh lệch thanh khoản thuần	128.898.230.670	-	128.898.230.670
01/01/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.519.623.995	-	25.519.623.995
Chứng khoán kinh doanh	19.200.000.000	-	19.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Phải thu khách hàng	33.629.941.012	-	33.629.941.012
Các khoản phải thu khác	35.521.399.611	-	35.521.399.611
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(516.268.874)	-	(516.268.874)
Tổng cộng	153.354.695.744	-	153.354.695.744
01/01/2018			
Phải trả cho người bán	(20.868.632.234)	-	(20.868.632.234)
Chi phí phải trả	(180.000.000)	-	(180.000.000)
Phải trả khác	(302.198.470)	-	(302.198.470)
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(1.201.560.966)	-	(1.201.560.966)
Tổng cộng	(22.552.391.670)	-	(22.552.391.670)
Chênh lệch thanh khoản thuần	130.802.304.074	-	130.802.304.074

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.116.070.942	25.519.623.995	41.116.070.942	25.519.623.995
Chứng khoán kinh doanh	19.200.000.000	19.200.000.000	19.200.000.000	19.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Phải thu khách hàng	99.677.914.587	33.629.941.012	99.161.645.713	33.113.672.138
Các khoản phải thu khác	36.724.958.084	35.521.399.611	36.724.958.084	35.521.399.611
Tổng cộng	196.718.943.613	153.870.964.618	196.202.674.739	153.354.695.744
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	65.745.158.231	20.868.632.234	65.745.158.231	20.868.632.234
Chi phí phải trả	196.225.971	180.000.000	196.225.971	180.000.000
Phải trả khác	210.489.315	302.198.470	210.489.315	302.198.470
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.152.570.552	1.201.560.966	1.152.570.552	1.201.560.966
Tổng cộng	67.304.444.069	22.552.391.670	67.304.444.069	22.552.391.670

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

8.4. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty chưa được kiểm toán.

8.5. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

8.6. Thông tin về bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực thương mại (bán hàng hóa); lĩnh vực thi công xây lắp bể bơi, hệ thống điện; lĩnh vực cho thuê văn phòng. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Bán hàng hóa, thành phẩm (VND)	Dịch vụ thi công lắp đặt (VND)	Dịch vụ khác (VND)	2017 (VND)
Doanh thu thuần theo bộ phận	55.855.339.641	133.970.078.771	1.057.978.274	190.883.396.686
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(53.904.741.445)	(101.689.042.743)	-	(155.593.784.188)
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	1.950.598.196	32.281.036.028	1.057.978.274	35.289.612.498
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(14.541.601.081)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				20.748.011.418
Doanh thu tài chính				1.182.446.609
Chi phí tài chính				-
Thu nhập khác				4.179.207
Chi phí khác				(333.015.632)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.350.202.647)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				17.251.418.955

Ngày 03 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hồ Thanh Ngân**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Vũ Thị Nga**TỔNG GIÁM ĐỐC****Trần Hữu Đông**

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH GÓP VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐẾN NGÀY 30/06/2018

Thông tin về các phương án góp vốn của chủ sở hữu

1. Phương án

- Góp vốn đợt 1: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thì vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng, số cổ phần là 1.000.000 cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
- Góp vốn đợt 2:
 - + Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2014/HVC/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 25 tháng 05 năm 2014 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tổng số cổ phần phát hành thêm là 200.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 10.000.000.000 đồng lên 12.000.000.000 đồng. Giá phát hành bằng mệnh giá cổ phiếu. Tỷ lệ phát hành là 5:1. Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. Mục đích phát hành để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - + Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký thay đổi lần 07 ngày 10 tháng 09 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp: vốn điều lệ của Công ty là 12.000.000.000 đồng, số cổ phần là 1.200.000 cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
- Góp vốn đợt 3:
 - + Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2015/HVC/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 25 tháng 12 năm 2015 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tổng số cổ phần phát hành thêm là 800.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 12.000.000.000 đồng lên 20.000.000.000 đồng. Giá phát hành bằng mệnh giá cổ phiếu. Tỷ lệ phát hành là 3:2. Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. Mục đích phát hành để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - + Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 25 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp: vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, số cổ phần là 2.000.000 cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
- Góp vốn đợt 4:
 - + Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2016/HVC/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 23 tháng 11 năm 2016 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tổng số cổ phần phát hành thêm là 8.800.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 20.000.000.000 đồng lên 108.000.000.000 đồng. Giá phát hành bằng mệnh giá cổ phiếu. Tỷ lệ phát hành là 1:4,4. Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. Mục đích phát hành để góp vốn thành lập công ty con HVC – Hưng Yên phục vụ dự án kho bãi nhà xưởng tại khu đất huyện Khoái Châu – Hưng Yên với tổng mức đầu tư là 59,4 tỷ, bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty và thanh toán gốc vay.

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH GÓP VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐẾN NGÀY 30/06/2018

- + Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký thay đổi lần 13 ngày 10 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp: vốn điều lệ của Công ty là 108.000.000.000 đồng, số cổ phần là 10.800.000 cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
- + Tại đợt phát hành theo Nghị quyết số 01/2016/HVC/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 23/11/2016 và theo nghị quyết số 03/HVC-HĐQT/2016 ngày 30/11/2016 về việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, Hội đồng quản trị thông qua việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất của cổ đông Trần Hữu Đông và cổ đông Đỗ Huy Cường. Do quá trình sang tên đổi chủ diễn ra trong thời gian dài, nên khi tiếp tục phát hành chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết 01/2017/HVC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/03/2017 cổ đông Trần Hữu Đông và cổ đông Đỗ Huy Cường chưa góp đủ số vốn đã đăng ký. Ngày 28/03/2017, Hội đồng quản trị thông qua việc ngừng việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất của cổ đông Trần Hữu Đông và cổ đông Đỗ Huy Cường và thông qua việc góp vốn bằng tiền bổ sung thay việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các cổ đông trên tương ứng với số cổ phần đã đăng ký mua trong đợt phát hành theo nghị quyết số 01/2016/HVC/NQ-ĐHĐCĐBT chậm nhất vào ngày 30/04/2017. Thực hiện đúng theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, các cổ đông đã góp đủ số vốn đã đăng ký mua trong lần tăng vốn theo nghị quyết số 01/2016/HVC/NQ-ĐHĐCĐBT vào ngày 15/04/2017. Ngoài ra, ngày 04/12/2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc ghi nhận quyền biểu quyết của các cổ đông tại biên bản đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 tương ứng với số vốn góp là 108 tỷ, và không có bất kỳ khiếu kiện liên quan đến quá trình tăng vốn của Công ty với tỷ lệ chấp thuận là 100%.
- Góp vốn đợt 5:
 - + Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/HVC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 03 năm 2017 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tổng số cổ phần phát hành thêm là 2.590.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 108.000.000.000 đồng lên 133.900.000.000 đồng. Giá phát hành bằng mệnh giá cổ phiếu. Tỷ lệ phát hành là 4,17:1. Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. Mục đích phát hành để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - + Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký thay đổi lần 14 ngày 10 tháng 05 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp: vốn điều lệ của Công ty là 133.900.000.000.000 đồng, số cổ phần là 13.390.000 cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH GÓP VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐẾN NGÀY 30/06/2018

– Góp vốn đợt 6:

- + Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2017/HVC/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 18 tháng 09 năm 2017 thông qua phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu và phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tổng số cổ phần phát hành thêm là 6.610.000 cổ phần (trong đó: 1.071.195 cổ phần thu từ chia cổ tức bằng cổ phiếu và 5.538.805 cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu), mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 133.900.000.000 đồng lên 200.000.000.000 đồng. Giá phát hành bằng mệnh giá cổ phiếu. Tỷ lệ phát hành là 2,03:1. Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. Mục đích phát hành để hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần bề bơi thông minh Spool số tiền 30 tỷ đồng và bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.
- + Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký thay đổi lần 16 ngày 05 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp: vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng, số cổ phần là 20.000.000 cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH GÓP VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐẾN NGÀY 30/06/2018

2. Thực tế thực hiện

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 như sau:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số CT	Ngày CT		
I/ GÓP VỐN BẰNG TIỀN GỬI NGÂN HÀNG			184.527.033.309
SPNH	23/01/2013	Ông Nguyễn Sỹ Thành nộp tiền góp vốn	95.580.000
SPNH	31/01/2013	Ông Nguyễn Sỹ Thành nộp tiền góp vốn	40.000.000
SPNH	03/06/2013	Trần Hữu Đông góp vốn CP	95.500.000
SPNH	01/08/2013	Trần Hữu Đông nộp vốn góp	188.000.000
SPNH	16/08/2013	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	220.000.000
SPNH	10/09/2013	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	100.000.000
SPNH	23/10/2013	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	294.000.000
SPNH	15/11/2013	Lê Văn Cường - Góp vốn cổ phần	23.000.000
SPNH	02/12/2013	Lê Văn Cường - Góp vốn cổ phần	50.000.000
SPNH	12/12/2013	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	182.500.000
SPNH	20/01/2014	Trần Văn Duy - Góp vốn cổ phần	20.000.000
SPNH	24/01/2014	Trần Văn Duy - Góp vốn cổ phần	125.000.000
SPNH	25/02/2014	Trần Văn Duy - Góp vốn cổ phần	180.000.000
SPNH	27/02/2014	Vũ Danh Lam góp vốn cổ đông	20.000.000
SPNH	28/02/2014	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	480.000.000
SPNH	11/04/2014	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	77.633.309
SPNH	21/04/2014	Trần Văn Duy - Góp vốn cổ phần	180.000.000
SPNH	07/05/2014	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	100.000.000
SPNH	09/05/2014	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	100.000.000
SPNH	09/05/2014	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	80.000.000
SPNH	09/05/2014	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	100.000.000
SPNH	19/05/2014	Vũ Danh Lam góp vốn cổ đông	80.000.000
SPNH	20/05/2014	Ông Nguyễn Sỹ Thành nộp tiền góp vốn	170.000.000
SPNH	01/06/2014	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	69.500.000
SPNH	04/06/2014	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	60.000.000
SPNH	18/06/2014	Đỗ Huy Cường - Góp vốn cổ phần	180.000.000
SPNH	19/06/2014	Đỗ Huy Cường - Góp vốn cổ phần	125.000.000
SPNH	26/06/2014	Đỗ Huy Cường - Góp vốn cổ phần	200.000.000
SPNH	30/06/2014	Ông Nguyễn Sỹ Thành nộp tiền góp vốn	280.000.000
SPNH	01/07/2014	Trương Thanh Tùng góp vốn cổ phần	430.000.000
SPNH	01/07/2014	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	100.000.000
SPNH	22/07/2014	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	100.000.000
SPNH	06/08/2014	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	10.000.000
SPNH	06/08/2014	Đỗ Huy Cường - Góp vốn cổ phần	100.000.000
SPNH	09/08/2014	Nguyễn Thị Phương Trang góp vốn	200.000.000
SPNH	09/08/2014	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	200.000.000
SPNH	13/08/2014	Đỗ Huy Cường - Góp vốn cổ phần	470.000.000
SPNH	15/08/2014	Lê Thị Thu Hương nộp tiền góp vốn vào	50.000.000
SPNH	02/10/2014	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	100.000.000
SPNH	08/10/2014	Trần Văn Duy - Góp vốn cổ phần	430.000.000
SPNH	10/10/2014	Nộp tiền Tuấn Anh góp vốn	200.000.000
SPNH	16/10/2014	Đỗ Huy Cường - Góp vốn cổ phần	120.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH GÓP VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐẾN NGÀY 30/06/2018

Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số tiền
Số CT	Ngày CT		
SPNH	21/10/2014	Ông Nguyễn Sỹ Thành nộp tiền góp vốn	50.000.000
SPNH	23/10/2014	Nộp tiền Lê Văn Tuyền góp vốn vào	150.000.000
SPNH	03/11/2014	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	30.000.000
SPNH	28/11/2014	Đỗ Huy Cường - Góp vốn cổ phần	40.000.000
SPNH	01/12/2014	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	94.000.000
SPNH	04/12/2014	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	35.000.000
SPNH	04/12/2014	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	100.000.000
SPNH	08/12/2014	Nộp tiền Trương Thanh Tùng góp vốn	100.000.000
SPNH	12/12/2014	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	160.000.000
SPNH	24/12/2014	Nộp tiền Trương Thanh Tùng góp vốn	100.000.000
SPNH	05/01/2016	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	587.500.000
SPNH	14/01/2016	Vũ Danh Lam nộp tiền góp vốn	116.840.000
SPNH	19/01/2016	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	643.120.000
SPNH	23/01/2016	Đỗ Huy Cường - Góp vốn cổ phần	230.000.000
SPNH	19/02/2016	Trần Văn Duy - Góp vốn cổ phần	300.000.000
SPNH	26/02/2016	Đỗ Huy Cường - Góp vốn cổ phần	1.000.000.000
SPNH	26/02/2016	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	73.680.000
SPNH	27/02/2016	Trần Văn Duy - Góp vốn cổ phần	10.000.000
SPNH	03/03/2016	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	360.000.000
SPNH	11/03/2016	Vũ Thị Ngà nộp tiền góp vốn	200.000.000
SPNH	25/03/2016	Vũ Thị Ngà nộp tiền góp vốn	342.420.000
SPNH	31/03/2016	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	54.000.000
SPNH	04/04/2016	Đỗ Huy Cường - Góp vốn cổ phần	197.080.000
SPNH	08/04/2016	Trần Văn Duy - Góp vốn cổ phần	310.000.000
SPNH	09/04/2016	Nộp tiền Nguyễn Thị Phương Trang góp vốn	107.200.000
SPNH	09/04/2016	Tuấn Anh nộp tiền góp vốn	78.800.000
SPNH	09/04/2016	Lê Văn Tuyền nộp tiền góp vốn	58.390.000
SPNH	14/04/2016	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	2.000.000.000
SPNH	15/04/2016	Lê Thị Thu Hương chuyển tiền góp vốn	150.000.000
SPNH	19/04/2016	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	66.580.000
SPNH	26/04/2016	Trương Thanh Tùng nộp tiền góp vốn	568.660.000
SPNH	26/04/2016	Ông Nguyễn Sỹ Thành nộp tiền góp vốn	500.000.000
SPNH	02/12/2016	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	15.042.600.000
SPNH	05/12/2016	Trần Tuấn Anh chuyển tiền góp vốn	1.284.800.000
SPNH	05/12/2016	Nguyễn Phương Trang chuyển tiền góp vốn	1.760.000.000
SPNH	05/12/2016	Lê Văn Tuyền chuyển tiền góp vốn	959.200.000
SPNH	07/12/2016	Lê Văn Cường chuyển tiền góp vốn	10.000.000.000
SPNH	07/12/2016	Trần Văn Duy chuyển tiền góp vốn	250.000.000
SPNH	09/12/2016	Vũ Thị Ngà chuyển tiền góp vốn	700.000.000
SPNH	13/12/2016	Vũ Thị Ngà chuyển tiền góp vốn	500.000.000
SPNH	13/12/2016	Trần Văn Duy chuyển tiền góp vốn	2.400.000.000
SPNH	14/12/2016	Trần Hữu Đông chuyển tiền góp vốn	84.000.000
SPNH	14/12/2016	Đỗ Huy Cường chuyển tiền góp vốn	5.013.800.000
SPNH	14/12/2016	Trần Hữu Đông chuyển tiền góp vốn	1.116.000.000
SPNH	14/12/2016	Trần Văn Duy chuyển tiền góp vốn	5.324.400.000
SPNH	14/12/2016	Trần Văn Duy chuyển tiền góp vốn	1.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH GÓP VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐẾN NGÀY 30/06/2018

Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số tiền
Số CT	Ngày CT		
SPNH	14/12/2016	Lê Thị Thu Hương chuyển tiền góp vốn	500.000.000
SPNH	16/12/2016	Vũ Thị Nga chuyển tiền góp vốn	1.888.800.000
SPNH	16/12/2016	Vũ Danh Lam chuyển tiền góp vốn	1.918.400.000
SPNH	16/12/2016	Lê Thị Thu Hương chuyển tiền góp vốn	415.200.000
SPNH	16/12/2016	Lê Văn Cường chuyển tiền góp vốn	4.212.000.000
SPNH	21/12/2016	Nguyễn Sỹ Thành chuyển tiền góp vốn	3.818.090.000
SPNH	21/12/2016	Nguyễn Sỹ Thành chuyển tiền góp vốn	1.000.000.000
SPNH	24/12/2016	Trương Thanh Tùng chuyển tiền góp vốn	2.300.000.000
SPNH	27/12/2016	Nguyễn Sỹ Thành chuyển tiền góp vốn	224.310.000
SPNH	29/12/2016	Trương Thanh Tùng chuyển tiền góp vốn	5.373.600.000
SPNH	23/02/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền góp vốn cổ phần	500.000.000
SPNH	24/02/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền góp vốn	500.000.000
SPNH	03/03/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền góp vốn	750.000.000
SPNH	04/03/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền góp vốn	750.000.000
SPNH	06/03/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền góp vốn	500.000.000
SPNH	06/03/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền góp vốn	284.000.000
SPNH	13/03/2017	Trần hữu Đông nộp tiền góp vốn	500.000.000
SPNH	13/03/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền góp vốn	500.000.000
SPNH	14/03/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	600.000.000
SPNH	14/03/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền góp vốn	400.000.000
SPNH	29/03/2017	Trần hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	500.000.000
SPNH	29/03/2017	Trần hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	750.000.000
SPNH	30/03/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	276.500.000
SPNH	30/03/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	750.000.000
SPNH	31/03/2017	Nguyễn Phương Trang chuyển tiền góp vốn	280.000.000
SPNH	31/03/2017	Nguyễn Phương Trang chuyển tiền góp vốn	320.000.000
SPNH	03/04/2017	Trần hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	750.000.000
SPNH	03/04/2017	Lê Thu Hương chuyển tiền mua cổ phần	450.000.000
SPNH	04/04/2017	Lê Văn Tuyển chuyển tiền mua cổ phần	200.000.000
SPNH	05/04/2017	Lê Thu Hương chuyển tiền mua cổ phần	250.000.000
SPNH	07/04/2017	Vũ Danh Lam nộp tiền mua cổ phần	500.000.000
SPNH	07/04/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	500.000.000
SPNH	08/04/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	500.000.000
SPNH	10/04/2017	Trần hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	650.000.000
SPNH	10/04/2017	Đỗ Cường Nộp tiền mua cổ phần	1.100.000.000
SPNH	13/04/2017	Trần Văn Duy chuyển tiền mua cổ phần	400.000.000
SPNH	13/04/2017	Nguyễn Sỹ Thành nộp tiền mua cổ phần	150.000.000
SPNH	14/04/2017	Đỗ Cường nộp tiền mua cổ phần	250.000.000
SPNH	14/04/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	750.000.000
SPNH	14/04/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	500.000.000
SPNH	15/04/2017	Vũ Thị Nga chuyển tiền mua cổ phần	600.000.000
SPNH	15/04/2017	Trần Hữu Đông chuyển tiền mua cổ phần	426.900.000
SPNH	15/04/2017	Đỗ Huy Cường nộp tiền mua cổ phần	10.157.400.000
SPNH	15/04/2017	Lê Thu Hương nộp tiền mua cổ phần	100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH GÓP VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐẾN NGÀY 30/06/2018

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số CT	Ngày CT		
SPNH	17/04/2017	Trương Thanh Tùng mua cổ phần	200.000.000
SPNH	21/04/2017	Lê thu Hương chuyển tiền mua cổ phần	194.928.000
SPNH	21/04/2017	Lê Văn Tuyền chuyển tiền mua cổ phần	197.088.000
SPNH	25/04/2017	Nguyễn Phương Trang chuyển tiền góp vốn	286.400.000
SPNH	03/05/2017	Vũ Thị Ngà chuyển tiền mua cổ phần	418.000.000
SPNH	06/05/2017	Vũ Thị Ngà chuyển tiền mua cổ phần	133.632.000
SPNH	08/05/2017	Vũ Danh Lam chuyển tiền mua cổ phần	294.176.000
SPNH	08/05/2017	Trần Tuấn Anh chuyển tiền mua cổ phần	213.072.000
SPNH	09/05/2017	Trần Văn Duy nộp tiền mua cổ phần	250.000.000
SPNH	10/05/2017	Nguyễn Sỹ Thành nộp tiền góp vốn	397.536.000
SPNH	11/05/2017	Lê Văn Cường nộp tiền mua cổ phần	750.000.000
SPNH	12/05/2017	Lê Văn Cường nộp tiền góp vốn	750.000.000
SPNH	13/05/2017	Lê Văn Cường nộp tiền mua cổ phần	478.911.000
SPNH	13/05/2017	Trần Văn Duy chuyển tiền mua cổ phần	300.000.000
SPNH	17/05/2017	Đỗ Huy Cường chuyển tiền mua cổ phần	750.000.000
SPNH	18/05/2017	Đỗ Huy Cường chuyển tiền mua cổ phần	288.000.000
SPNH	25/05/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	500.000.000
SPNH	26/05/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	750.000.000
SPNH	29/05/2017	Trần Hữu Đông chuyển tiền mua cổ phần	670.000.000
SPNH	30/05/2017	Trần Văn Duy chuyển tiền mua cổ phần	250.000.000
SPNH	06/06/2017	Đỗ Huy Cường chuyển tiền mua cổ phần	750.000.000
SPNH	07/06/2017	Đỗ Huy Cường chuyển tiền mua cổ phần	298.000.000
SPNH	08/06/2017	Trần Văn Duy nộp tiền mua cổ phần	570.016.000
SPNH	08/06/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	5.020.000.000
SPNH	17/06/2017	Trương Thanh Tùng nộp tiền mua cổ phần	305.463.000
SPNH	19/06/2017	Lê Văn Cường nộp tiền mua cổ phần	500.000.000
SPNH	19/06/2017	Lê Văn Cường nộp tiền mua cổ phần	750.000.000
SPNH	19/06/2017	Đỗ Huy Cường nộp tiền mua cổ phần	750.000.000
SPNH	19/06/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	256.000.000
SPNH	20/06/2017	Lê Văn Cường nộp tiền mua cổ phần	668.769.000
SPNH	20/06/2017	Đỗ Huy Cường chuyển tiền mua cổ phần	750.000.000
SPNH	21/06/2017	Đỗ Huy Cường chuyển tiền mua cổ phần	558.768.000
SPNH	13/07/2017	Trương Thanh Tùng nộp tiền mua cổ phần	300.000.000
SPNH	14/07/2017	Trương Thanh Tùng nộp tiền mua cổ phần	271.241.000
SPNH	21/09/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	15.065.800.000
SPNH	25/09/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền mua cổ phiếu	425.380.000
SPNH	25/09/2017	Trần Hữu Đông nộp tiền mua cổ phần	1.500.000.000
SPNH	25/09/2017	Lê Văn Cường nộp tiền mua cổ phần	8.827.210.000
SPNH	28/09/2017	Đỗ Huy Cường chuyển tiền mua cổ phần	9.974.792.000
SPNH	28/09/2017	Lê thị Thu Hương chuyển tiền mua cổ phần	576.172.000
SPNH	28/09/2017	Vũ Thị Ngà Chuyển tiền Mua cổ phần	2.044.448.000
SPNH	28/09/2017	Trần Văn Duy chuyển tiền mua cổ phần	5.592.754.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH GÓP VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐẾN NGÀY 30/06/2018

Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số tiền
Số CT	Ngày CT		
SPNH	28/09/2017	Vũ Danh Lam chuyển mua cổ phần	1.302.424.000
SPNH	28/09/2017	Trần Tuấn Anh chuyển tiền mua cổ phần	740.378.000
SPNH	28/09/2017	Trương Thanh Tùng nộp tiền mua cổ phần	4.340.986.000
SPNH	28/09/2017	Nguyễn Sỹ Thành nộp tiền góp cổ phần	2.786.344.000
SPNH	28/09/2017	Lê Văn Tuyến chuyển tiền mua cổ phần	651.212.000
SPNH	29/09/2017	Lê Thị Thu Hương chuyển tiền mua cổ phần	300.000.000
SPNH	29/09/2017	Nguyễn Phương Trang chuyển tiền góp vốn	1.260.150.000
II/ GÓP VỐN BẰNG CỔ TỨC (CỔ TỨC TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU)			10.711.950.000
	20/09/2017	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ chia cổ tức cho các Cổ đông - Trần Hữu Đông	3.286.080.000
	20/09/2017	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ chia cổ tức cho các Cổ đông - Đỗ Huy Cường	1.929.110.000
	20/09/2017	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ chia cổ tức cho các Cổ đông - Lê Văn Cường	1.707.170.000
	20/09/2017	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ chia cổ tức cho các Cổ đông - Nguyễn Sỹ Thành	538.870.000
	20/09/2017	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ chia cổ tức cho các Cổ đông - Trương Thanh Tùng	839.540.000
	20/09/2017	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ chia cổ tức cho các Cổ đông - Trần Văn Duy	1.081.630.000
	20/09/2017	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ chia cổ tức cho các Cổ đông - Vũ Danh Lam	251.880.000
	20/09/2017	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ chia cổ tức cho các Cổ đông - Nguyễn Phương Trang	243.710.000
	20/09/2017	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ chia cổ tức cho các Cổ đông - Trần Tuấn Anh	143.180.000
	20/09/2017	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ chia cổ tức cho các Cổ đông - Lê Văn Tuyến	125.940.000
	20/09/2017	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ chia cổ tức cho các Cổ đông - Lê Thị Thu Hương	169.450.000
	20/09/2017	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh từ chia cổ tức cho các Cổ đông - Vũ Thị Nga	395.390.000
III/ GÓP VỐN BẰNG TIỀN MẶT			4.761.016.691
PT11-005	10/11/2011	Nguyễn Sỹ Thành- Góp vốn cổ phần	234.901.000
PT11-009	18/11/2011	Trần Hữu Đông - Góp vốn cổ phần	200.000.000
PT03-005	29/03/2012	Trần Hữu Đông - Góp vốn cổ phần	791.000.000
PT03-006	29/03/2012	Nguyễn Sỹ Thành- Góp vốn cổ phần	521.099.000
PT03-007	29/03/2012	Lê Văn Cường - Góp vốn cổ phần	251.000.000
PT03-008	29/03/2012	Trần Văn Duy - Góp vốn cổ phần	162.000.000
PT03-009	29/03/2012	Vũ Danh Lam - Góp vốn cổ phần	81.000.000
PT10-001A	01/10/2012	Trương Thanh Tùng góp vốn cổ phần	216.000.000
PT10-008A	23/10/2012	Đỗ Huy Cường - Góp vốn cổ phần	243.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: 295B Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC 01: TÌNH HÌNH GÓP VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐẾN NGÀY 30/06/2018

Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số tiền
Số CT	Ngày CT		
PT07-018	24/07/2013	Trần Hữu Đông góp vốn CP	400.000.000
PT07-020	30/07/2013	Đỗ Huy Cường - Góp vốn cổ phần	400.000.000
PT07-021	30/07/2013	Ông Nguyễn Sỹ Thành nộp tiền góp vốn	300.000.000
PT07-022	30/07/2013	Lê Văn Cường - Góp vốn cổ phần	300.000.000
PT09-001	01/09/2013	Trương Thanh Tùng góp vốn cổ phần	300.000.000
PT09-012	29/09/2013	Trần Văn Duy - Góp vốn cổ phần	100.000.000
PT12-031	29/12/2013	Vũ Danh Lam - Góp vốn cổ phần	100.000.000
PT12-003	16/02/2014	Thu góp vốn của anh Đỗ Huy Cường	21.600.000
PT05-016	16/02/2014	Vũ Danh Lam - Góp vốn cổ phần	19.000.000
PT11-006	16/02/2014	Thu nốt tiền góp vốn của Nguyễn Sỹ Thành	8.820.000
PT12-008	16/02/2014	Thu tiền góp vốn của Trương Thanh Tùng	3.600.000
PT10-011	25/02/2014	Trần Văn Duy - Góp vốn cổ phần	3.000.000
PT12-009	25/02/2014	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	19.100.000
PT12-011	25/02/2014	Thu nốt tiền góp vốn của Lê Văn Cường	36.600.000
PT04-006	11/04/2014	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	2.366.691
PT08-016	22/08/2014	Nộp tiền Nguyễn Thị Phương Trang góp vốn	400.000
PT09-013	26/09/2014	Lê Thị Thu Hương nộp tiền góp vốn vào	400.000
PT10-015	24/10/2014	Tuấn Anh nộp nốt tiền góp vốn	400.000
PT03-026	10/03/2016	Trần Hữu Đông góp vốn cổ đông	23.280.000
PT03-025	31/03/2016	Lê Văn Cường góp vốn cổ đông	10.360.000
PT04-008	18/04/2016	Hương nộp nốt tiền góp vốn	4.410.000
PT04-014	28/04/2016	Ông Nguyễn Sỹ Thành nộp tiền góp vốn	7.680.000
CỘNG			200.000.000.000

Ngày 03 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Hồ Thanh Ngân

Vũ Thị Nga

Trần Hữu Đông